

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/DS-ST

Ngày: 30-10-2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Vương Thị Vui;

2/ Ông Nguyễn Tấn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-DS ngày 12/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Đào Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 6 năm 2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà P) trình bày:*

Do quen biết nên bà P có cho bà H vay tiền nhiều lần. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 24/3/2018, bà H vay 200.000.000 đồng. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Bà H có làm giấy tay do chính bà H viết. Bà H đã trả góp được 06 ngày được số tiền 24.000.000 đồng (4.000.000 đồng/ngày). Bà H còn nợ lại bà P số tiền là 176.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 25/3/2018, bà H có vay thêm số tiền là 600.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Khi cho bà H vay tiền thì bà P có làm một hợp đồng vay tiền có chữ ký và ghi tên của bà H.

Ngoài ra, bà H còn nợ lại bà P số tiền nợ cũ là 123.000.000 đồng được ghi phía sau giấy nợ ngày 24/3/2018.

Tổng bà H còn nợ bà P số tiền là 899.000.000 đồng. Sau nhiều lần bà P yêu cầu bà H trả nợ nhưng đến nay bà H vẫn không thực hiện. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền là 899.000.000 đồng.

Ngày 21/8/2018, thì bà P có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 123.000.000 đồng được ghi sau giấy nợ ngày 24/3/2018.

Nay, bà P yêu cầu bà H thanh toán số tiền là 776.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bà P không có ý kiến gì khác.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2018 bị đơn (bà H) trình bày:*

Bà H có vay tiền của bà P hai lần.

Lần 1: Ngày 24/3/2018, bà H vay 200.000.000 đồng. Bà H có làm giấy tay do chính bà H viết. Bà H vay góp 4.000.000 đồng/ngày. Bà H đã góp được 06 ngày được 24.000.000 đồng. Bà H còn nợ bà P số tiền là 176.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 25/3/2018, bà H vay 600.000.000 đồng. Bà H có làm giấy tay do chính bà H viết và ký tên.

Nay bà P yêu cầu bà H thanh toán số tiền 776.000.000 đồng thì bà H đồng ý.

Ngoài ra bà H không có ý kiến gì khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ngày 04/6/2018, bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị H thanh toán số tiền vay là 899.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 24/3/2018 và hợp đồng vay tiền ngày 25/3/2018. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bà H vắng mặt nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, các tài liệu, chứng cứ và tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 179, Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà P cho bà H vay tiền hai lần. Lần 1: Ngày 24/3/2018 bà P cho bà H vay 200.000.000 đồng. Bà H góp 4.000.000 đồng/ngày. Bà H đã góp được 06 ngày được 24.000.000 đồng. Bà H còn nợ bà P số tiền là 176.000.000 đồng. Lần 2: Ngày 25/3/2018 bà P cho bà H vay 600.000.000 đồng. Do đó, bà P yêu cầu bà H thanh toán số tiền là 776.000.000 đồng. Bà P có chứng cứ chứng minh là giấy nợ ngày 24/3/2018 và hợp đồng vay tiền ngày 25/3/2018.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ bà P cung cấp là bản chính. Theo giấy nợ ngày 24/3/2018 và hợp đồng vay tiền ngày 25/3/2018 thì hai bên không thỏa thuận lãi suất và không có thời hạn thanh toán. Sau nhiều lần bà P yêu cầu bà H trả nợ nhưng không được nên bà H khởi kiện là phù hợp Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo biên bản lấy lời khai của bà H ngày 11/8/2018 thì bà H thừa nhận giấy nợ ngày 24/3/2018 và hợp đồng vay tiền ngày 25/3/2018 do chính bà H viết và ký tên. Đồng thời bà H thừa nhận còn nợ bà P số tiền 776.000.000 đồng và đồng ý thanh toán số tiền trên cho bà P. Do đó, có cơ sở khẳng định chứng cứ mà bà P cung cấp là có giá trị chứng minh. Bà P yêu cầu bà H thanh toán số tiền 776.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với số tiền 123.000.000 đồng ghi phía sau hợp đồng vay tiền ngày 25/3/2018 thì bà P rút yêu cầu nên đình chỉ.

[5] Về lãi suất: Bà P không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” của bà Nguyễn Thị P đối với bà Đào Thị H.

Buộc bà Đào Thị H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị P 776.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đào Thị H không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Đào Thị H về số tiền 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng).

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đào Thị H phải chịu 35.040.000 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P 19.485.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011924 ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh